



Biểu số 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 c

Trường Mầm non Noong Luồng

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-MNNL ngày 31/12/2025 của trường M

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Số TT	Nội dung
1	2
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí
I	Số thu phí, lệ phí
1	Thu học phí
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên
	Chi hoạt động từ 60% được để lại
	Chi 40% bổ xung cái cách tiền lương
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên
2	Chi quản lý hành chính
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước
1	Lệ phí
	Lệ phí...
	Lệ phí...
2	Phí
	Phí ...
	Phí ...
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước
I	Nguồn ngân sách trong nước
1	Chi quản lý hành chính
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên
5	Chi bảo đảm xã hội
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên

Số TT	Nội dung
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên
6	Chi hoạt động kinh tế
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên
II	Nguồn vốn viện trợ
1	Chi quản lý hành chính
1.1	Dự án A
1.2	Dự án B
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ
2.1	Dự án A
2.2	Dự án B
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề
3.1	Dự án A
3.2	Dự án B
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình
4.1	Dự án A
4.2	Dự án B
5	Chi bảo đảm xã hội
5.1	Dự án A
2.2	Dự án B
6	Chi hoạt động kinh tế
6.1	Dự án A
6.2	Dự án B
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
7.1	Dự án A
7.2	Dự án B
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin
8.1	Dự án A
8.2	Dự án B
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
9.1	Dự án A
9.2	Dự án B
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao
10.1	Dự án A
10.2	Dự án B

Số TT	Nội dung
III	Nguồn vay nợ nước ngoài
1	Chi quản lý hành chính
1.1	Dự án A
1.2	Dự án B
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ
2.1	Dự án A
2.2	Dự án B
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề
3.1	Dự án A
3.2	Dự án B
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình
4.1	Dự án A
4.2	Dự án B
5	Chi bảo đảm xã hội
5.1	Dự án A
2.2	Dự án B
6	Chi hoạt động kinh tế
6.1	Dự án A
6.2	Dự án B
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
7.1	Dự án A
7.2	Dự án B
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin
8.1	Dự án A
8.2	Dự án B
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
9.1	Dự án A
9.2	Dự án B
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao
10.1	Dự án A
10.2	Dự án B

Ủa Bộ Tài chính

N Noong Luóng)

Đvt: đồng

[illegible]

[illegible]

[illegible]